

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương.

2. Bà Phan Thị Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ H, sinh năm 1983; Địa chỉ: phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn T và bà Vũ H chung sống và kết hôn từ năm 2009, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/2009 ngày 01/12/2009.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H gây nợ nần nhiều nơi, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Ông T và bà H đã chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Vũ H.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Nguyễn Vũ Mỹ D, sinh ngày 18/09/2010. Ông T có nguyện vọng giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu D trưởng thành trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Bà H xác nhận bà H và ông Nguyễn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyền số 01/2009 ngày 01/12/2009. Thoi gian gần đây giữa bà H và ông T có nhiều bất đồng trong cuộc sống, ông T không quan tâm đến gia đình vợ con mà có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, ông T đã chặn mọi liên lạc với bà H và con. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của ông T, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà H không đồng ý ly hôn

Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T chỉ có 01 con chung là Nguyễn Vũ Mỹ D, sinh ngày 18/09/2010. Bà H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Bà H xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà H xác nhận vợ chồng bà có vay bà Phùng Thị Lan H địa chỉ tại khu phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) và đề nghị ông T có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà H

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà .

Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Vũ Mỹ D, sinh ngày 18/09/2010 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), vì thực tế hiện nay cháu D đang sống cùng với bà H và có nguyện vọng muốn ở với bà H.

Về cấp dưỡng: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000/tháng (ba triệu đồng mỗi tháng), đề nghị ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng này của ông T.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tkhông yêu cầu giải quyết, bà H có yêu cầu giải quyết nợ chung nhưng bà H không cung cấp tài liệu chứng cứ về số nợ chung này. Đồng thời không cung cấp được địa chỉ của bà Phùng Thị Lan H (chủ nợ) do vậy Hội đồng xét xử không thể mời bà H đến để làm rõ về số nợ 300.000.000đ mà bà H cho rằng là nợ chung. Vì thế đề nghị dành quyền khởi kiện cho bà H, bà H về việc chia tài sản chung và nợ chung nếu bà H, bà H có yêu cầu sau này.

Về án phí: Buộc ông T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Bị đơn bà Vũ H đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, ông Nguyễn T và bà Vũ H tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Ông T và bà H đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/2009 ngày 01/12/2009. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, ông T xác định không còn tình cảm với bà H nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Ông T và bà H đã tự sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà H cho rằng ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên bỏ bê gia đình vợ con. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng ông T, bà H đoàn tụ nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ bà H không có thiện chí hòa giải. Riêng ông T vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với bà H, ông T không đồng ý đoàn tụ với bà H. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông T, bà H đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của ông T với bà H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Anh và bà Hải có 01 con chung là Nguyễn Vũ Mỹ D, sinh ngày 18/09/2010. Ông T có nguyện vọng

giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét nguyện vọng của cháu D muốn được ở với mẹ và thực tế hiện nay cháu D đang sống cùng với bà H, nên cần thiết giao con chung cho bà H chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo yêu cầu của bà H, nên cần ghi nhận về mức cấp dưỡng nuôi con này của ông T, bà H.

[3] Về tài sản chung: Cả ông T và bà H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết. Bà H yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung mà vợ chồng bà đã vay từ bà Phùng Thị Lan H là 300.000.000 (ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ về nợ chung, cũng như không cung cấp đầy đủ địa chỉ và số điện thoại của bà Phùng Thị Lan H nên Tòa án không thể tiến hành mời bà H đến làm việc để làm rõ số nợ. Tòa án đã có văn bản thông báo cho bà H biết về việc bà H phải phải cung cấp địa chỉ của bà Phùng Thị Lan H và tài liệu chứng cứ về số nợ chung này nhưng bà H không cung cấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Vì thế dành quyền khởi kiện cho bà Phùng Thị Lan H và bà Vũ H sẽ khởi kiện sau, nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T. Ông Nguyễn T được ly hôn với bà Vũ H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Vũ H có 01 con chung là Nguyễn Vũ Mỹ D, sinh ngày 18/09/2010. Giao con chung cho bà Vũ H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng/tháng) cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho bà Phùng Thị Lan H và bà Vũ H sẽ khởi kiện sau, nếu có yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006814 ngày 02/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy ông T còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Thị Hiền

